

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Lệ**

Bà **Đàm Thị Thanh Loan**

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh O, sinh năm 1982 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Phạm B, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh O trình bày:*

Vào năm 2004 anh và chị Phạm B được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện nhưng đến ngày 16/3/2010 thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng anh có được hai con chung tên Huỳnh Th, sinh ngày 01/02/2006 và Huỳnh L, sinh ngày 23/4/2008. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh vẫn ở chung nhà với cha mẹ ruột của anh nên hai vợ chồng chưa có tài sản

chung, vợ chồng cũng có nợ chung nhưng trước khi anh đưa đơn ly hôn thì vợ chồng anh thỏa thuận để tự trả nợ cho chủ nợ nên không có yêu cầu về nợ chung.

Những năm đầu khi mới cưới, mới có con thì vợ chồng anh sống rất hạnh phúc, đến sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ ngày 03/3/2017 âm lịch thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn không thể giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung với nhau mà vợ anh không tin tưởng anh hay ghen tuông vô cớ, hay kiểm chuyện với anh vì cho rằng anh có tình cảm với người khác cho nên khi sống chung nhà vợ chồng hay xảy ra cự cãi, có khi xảy ra xô xát, cha anh đã lớn tuổi sống chung nhà mà vợ anh kiểm chuyện quây ban đêm nên cha anh không ngủ yên được, trong đơn kiện anh trình bày vợ chồng anh đã ly thân với nhau khoảng một năm nay là bởi vì vợ anh đi bán ở căn tin trường, sau khi bán xong thường hay về nhà cha mẹ vợ chơi ở ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có khi ngủ lại nhà cha mẹ vợ nên anh nghĩ là vợ chồng đã ly hôn chứ thực chất thì vợ chồng vẫn ở chung nhà tại địa chỉ ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; rồi càng lúc vợ chồng càng cự cãi nhiều, có một lần anh đã đưa đơn ly hôn ra tòa nhưng sau đó thì anh rút đơn kiện lại để cho vợ chồng có thời gian suy nghĩ nhưng vợ anh vẫn không thay đổi, kéo dài cuộc sống hôn nhân anh thấy mệt mỏi, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau, sau khi đưa đơn ly hôn thì vợ anh không nói chuyện với anh nữa và không bao lâu thì vợ anh bỏ nhà đi thành phố chứ anh cũng không biết rõ vợ anh đi đâu, anh nghe con anh là Th nói lại với anh là vợ anh đi làm, đến các con nghỉ hè thì vợ anh sẽ về rước các con. Tại phiên tòa anh O khẳng định không còn thương vợ anh nữa, anh tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm B.

Còn về con chung theo đơn kiện thì anh có ý kiến là giao 02 con chung cho vợ anh nuôi dưỡng, bởi vì khi anh gửi đơn ly hôn, vợ anh vẫn sống chung nhà với anh, hai con thì có ý kiến theo mẹ, vợ anh cũng có nói với anh là đòi nuôi con nên trong đơn kiện anh có ý kiến giao hai con chung cho vợ anh nuôi dưỡng nhưng trong khoảng thời gian anh gửi đơn ly hôn đến Tòa án thì vợ anh đã bỏ nhà đi, anh đang nuôi hai con ăn học nên anh thay đổi lại là yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là Th và L cho anh được trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh đủ khả năng tự nuôi con, khi vợ anh bỏ nhà đi làm thì anh cũng tự nuôi con, vợ anh không có gửi tiền về nuôi con, còn khi nào vợ anh về xin nuôi con thì anh cũng đồng ý để vợ nuôi con.

Còn những vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn chị Phạm B vắng mặt, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị B được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh O và chị B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sống chung anh O và chị B không còn quan tâm, yêu thương nhau, dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tại tòa anh O cho rằng không còn thương chị B và kiên quyết xin ly hôn với chị B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh O ly hôn với chị B. Về con chung, hai cháu Th, sinh năm 2006 và L, sinh năm 2008 hiện nay vẫn còn nhỏ, đang sống với cha là anh O, anh O có yêu cầu nuôi con, còn chị B không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh O, giao hai cháu Th và L cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng, dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh O không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh O cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm B vắng mặt nhưng chị B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại Tòa nguyên đơn và kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt chị B. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù năm 2004 anh Huỳnh O và chị Phạm B đã được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2010, anh O và chị B là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/3/2010 do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh O và chị B là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng anh O cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh O không còn được vợ anh là chị B tin tưởng nên hay ghen tuông vô cớ, cho rằng anh O có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi to tiếng, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù anh chị vẫn còn sống chung một nhà đến khi anh đưa đơn ra Tòa án ly hôn nhưng anh chị không còn quan tâm lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh O và chị B

khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị B không đến tham gia hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh O kiên quyết xin ly hôn với chị B. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh O và chị B đã không còn sự tin tưởng dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh O và chị B đã không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh O được ly hôn với chị B.

[3] Về con chung:

Anh Huỳnh O và chị Phạm B có hai con chung là cháu Huỳnh Th, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Huỳnh L, sinh ngày 23/4/2008, hai cháu Th và L hiện nay đang sống chung với anh O. Anh O yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Th và L sau khi vợ chồng ly hôn, chị B không có ý kiến thể hiện việc có yêu cầu nuôi con hay đồng ý giao con cho anh O nuôi dưỡng. Còn đối với ý kiến của cháu Th thì cháu Th cũng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu Th sẽ tiếp tục sống với cha, vì hiện nay cháu Th đang sống với cha, cha lo cho ăn học, còn mẹ thì đi thành phố làm, khi nào mẹ về rước thì cháu sẽ đi theo mẹ sống; còn đối với cháu L đã hơn 07 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của BLTTDS thì Tòa án phải ghi nhận nguyện vọng của cháu L về việc muốn sống với cha hoặc mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu L nhưng cháu L không chịu thể hiện ý kiến của mình. Xét thấy, hiện nay cháu Th và cháu L đang được cha ruột là anh Huỳnh O trực tiếp nuôi dưỡng, lo cho ăn học đầy đủ, còn mẹ ruột là chị B hiện nay đã bỏ nhà đi làm và không rõ đi đâu, cũng không có ý kiến hay yêu cầu là được nuôi hai con chung sau khi Tòa án giải quyết ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống của hai cháu Th và L được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống chung với cha. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th và cháu L cho anh O tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị B không ai được quyền ngăn cản chị B thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Huỳnh O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng. Chị Phạm B không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh O.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh O được ly hôn với chị Phạm B.

[2] Về con chung: Giao cháu Huỳnh Th, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Huỳnh L, sinh ngày 23/4/2008 cho anh Huỳnh O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Phạm B, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng anh O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005187 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, anh O đã thực hiện xong phần án phí. Chị Phạm B không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Vàng